

Số: /SYT-DS

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2025

V/v hướng dẫn thực hiện
công tác dân số năm 2025

Kính gửi: Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Công văn số 135/CDS-KHTC ngày 27/02/2025 của Cục Dân số, Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện công tác dân số năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2492/QĐ-SYT ngày 31/12/2024 của Sở Y tế Quảng Ngãi về việc giao chỉ tiêu kế hoạch công tác Y tế năm 2025;

Để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 và đẩy mạnh việc thực hiện Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; các chương trình, đề án, kế hoạch về công tác dân số đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Sở Y tế hướng dẫn thực hiện công tác dân số năm 2025 theo các nội dung sau:

A. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. Mục tiêu

Thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con, phấn đấu ổn định mức sinh thay thế; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; chú trọng giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số.

II. Chỉ tiêu

1. Chỉ tiêu cơ bản

- Quy mô dân số: 1.252.090 người.
- Tổng tỷ suất sinh đạt 2,1 con/phụ nữ.

2. Chỉ tiêu chuyên môn

- Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh: 110,6 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.
- Tỷ lệ giảm sinh: 0,0‰;
- Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm: 54.934 người;
- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất gồm: Down, Edwards, Patau và bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia: 70%;

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất gồm: suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, tim bẩm sinh và khiếm thính bẩm sinh: 70%;

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: 55%;

- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm: 75%.

B. CÁC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

I. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; tham mưu xây dựng văn bản chỉ đạo, điều hành

- Tham mưu xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định một số chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Tăng cường tham mưu các cấp ủy Đảng, chính quyền trên địa bàn tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành và đầu tư kinh phí cho công tác dân số.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, các huyện, thị, thành ủy cung cấp thông tin về dân số và phát triển đến cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp.

- Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí để tổ chức tuyên truyền rộng rãi chính sách về công tác dân số trong tình hình mới. Các ban, ngành, hội, đoàn thể tổ chức hội nghị, hội thảo, báo cáo chuyên đề phổ biến các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kế hoạch về công tác dân số và phát triển.

- Hoàn thiện Báo cáo sơ kết 05 năm Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; các chương trình, đề án, kế hoạch về công tác dân số đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

II. Thực hiện các Chương trình, Đề án

1. Chương trình điều chỉnh mức sinh

Tập trung thực hiện quyết liệt Chương trình điều chỉnh mức sinh theo Quyết định số 650/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và kế hoạch hành động thực hiện của huyện, thị xã, thành phố.

- Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con. Tập trung vận động, khuyến khích sinh đủ hai con, tuyên truyền về lợi ích của việc sinh đủ hai con. Khẩu hiệu **“Mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con”**. Rà soát, bãi bỏ các quy định của địa phương liên quan đến mục tiêu giảm sinh, giảm sinh con thứ 3 trở lên. Phấn đấu tăng chỉ tiêu điều chỉnh mức sinh 0,2 (điểm ‰) trên phạm vi toàn tỉnh.

- Tổ chức các đợt Chiến dịch trong năm; cung cấp các gói dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số tại

địa bàn Chiến dịch; tổ chức các loại hình Chiến dịch phù hợp với người lao động tại khu công nghiệp, khu kinh tế và điều kiện thực tiễn tại địa phương. Huy động các nguồn lực, tập trung triển khai các mô hình hỗ trợ, khuyến khích sinh đủ hai con. Học tập, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm triển khai thực hiện các chính sách, mô hình can thiệp hỗ trợ, khuyến khích sinh đủ hai con.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ và các quy định hiện hành. Đảm bảo nguồn kinh phí hỗ trợ cho đối tượng theo quy định; chi trả kịp thời cho các đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ; bố trí kinh phí cho các đơn vị thực hiện theo nhiệm vụ đã được quy định tại các Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP; đảm bảo chức trách của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục lập dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách nhà nước cấp, thu hồi kinh phí hỗ trợ, chế độ báo cáo.

- Các huyện, thị xã, thành phố chuẩn xác số liệu mức sinh của địa phương; tổ chức đánh giá, sơ kết triển khai thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh giai đoạn 2020-2025; đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp Chương trình điều chỉnh mức sinh giai đoạn 2026-2030.

2. Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

Tập trung triển khai thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 17/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và kế hoạch hành động thực hiện của huyện, thị xã, thành phố.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 134/QĐ-BYT ngày 19/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành phiếu giám sát tình hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của Trạm Y tế cấp xã; Quyết định số 160/QĐ-CDS ngày 18/7/2024 của Cục Dân số về việc ban hành phiếu giám sát cộng tác viên dân số về tuyên truyền, tư vấn và cung cấp biện pháp tránh thai tại cộng đồng.

- Triển khai các mô hình nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình: hỗ trợ sinh sản; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh tại cộng đồng; dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp giảm phá thai ở vị thành niên, thanh niên.

- Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thường xuyên; chiến dịch, khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa, dự phòng vô sinh, đối tượng khó tiếp cận, địa bàn trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế; các loại hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thân thiện cho vị thành niên, thanh niên phù hợp trong tình hình mới.

- Triển khai tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai và hoạt động của Đề án “Xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia

đình, sức khỏe sinh sản” theo Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh và các văn bản hướng dẫn liên quan tới nội dung quản lý, chỉ đạo, điều hành đảm bảo quy định pháp luật.

- Đánh giá, sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả giai đoạn tiếp theo.

3. Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh

Tập trung triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh theo Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và kế hoạch thực hiện của huyện, thị xã, thành phố.

- Quản lý, chăm sóc trường hợp nguy cơ cao mắc bệnh nội tiết, chuyển hóa và di truyền bẩm sinh sau sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ Y tế.

- Tiếp tục duy trì các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về Tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; lồng ghép nội dung tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn vào hoạt động của các ban ngành đoàn thể;

- Duy trì các hoạt động của câu lạc bộ tiền hôn nhân tại cộng đồng và trong các buổi sinh hoạt ngoại khóa tại các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

- Vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn. Xây dựng các điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các tuyến cơ sở. Tổ chức lồng ghép hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn vào các hoạt động khác của địa phương.

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn tại cộng đồng và tổ chức hoạt động tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Duy trì, mở rộng thực hiện các hoạt động: dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế, dân số; tổ chức các hoạt động truyền thông tới người dân và cộng đồng.

- Hướng dẫn đối tượng đến các cơ sở y tế thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, tầm soát chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

- Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030.

4. Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

Tập trung triển khai thực hiện các hoạt động theo Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh (MCBGTKS) giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch thực hiện đề án của huyện, thị xã, thành phố.

- Tiếp tục duy trì các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về kiểm soát MCBGTKS; lồng ghép nội dung kiểm soát MCBGTKS vào hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể.

- Thực hiện phổ biến, giáo dục và nâng cao hiệu lực thực thi những quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

- Đưa nội dung kiểm soát MCBGTKS cho học sinh trong các nhà trường; trong hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.

- Rà soát, củng cố, duy trì hoạt động câu lạc bộ “*Các bạn gái tiêu biểu*” tại xã, phường, thị trấn; Phối hợp với Đoàn Thanh niên xã, phường, thị trấn tổ chức sinh hoạt cho đoàn viên, thanh niên trong dịp nghỉ hè.

- Thường xuyên rà soát, thu thập thông tin kịp thời, nắm chắc số liệu tỷ số giới tính khi sinh.

- Triển khai thực hiện đánh giá, tổng kết 10 năm thực hiện Đề án MCBGTKS giai đoạn 2016-2025 theo Hướng dẫn của Trung ương.

5. Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

Tập trung đẩy mạnh thực hiện đồng bộ Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 về việc phê duyệt Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2025 và Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 và kế hoạch hành động của địa phương.

- Tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở cộng đồng bao gồm: Tư vấn, hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe; nâng cao năng lực cho trạm y tế cấp xã; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi; tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế; xây dựng và duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào Câu lạc bộ liên thế hệ và các loại hình câu lạc bộ khác của người cao tuổi; phát triển mạng lưới tình nguyện viên, tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Đẩy mạnh truyền thông vận động nâng cao nhận thức của lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp; các chức sắc tôn giáo; những người có uy tín trong cộng đồng... về thách thức của quá trình “già hóa dân số” đối với việc chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; tham mưu xây dựng kế hoạch và đầu tư kinh phí cho các nội dung thích ứng với xã hội “già hóa dân số”; xây dựng môi trường y tế thân thiện với người cao tuổi.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn cho người làm công tác tư vấn, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở các cơ sở chăm sóc sức khỏe; cán bộ dân số và tình nguyện viên ở cơ sở.

- Thí điểm triển khai một số mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: cơ sở chăm sóc sức khỏe ban ngày; xã, phường, thị trấn thân thiện với người cao tuổi; Trung tâm dưỡng lão theo hình thức phù hợp, tiến tới xã hội hóa thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (mạng xã hội, internet,...).

- Phổ biến kiến thức về rèn luyện thân thể, tăng cường sức khỏe và phòng bệnh, đặc biệt là các bệnh mãn tính và các bệnh thường gặp ở người cao tuổi; hướng dẫn các kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe; phục hồi chức năng cho người cao tuổi tại cộng đồng.

- Tổ chức sơ kết, báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2021-2025; xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030.

6. Chương trình Truyền thông dân số

Triển khai đồng bộ các hoạt động Chương trình truyền thông Dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh và kế hoạch của địa phương.

- Tiếp tục tuyên truyền, vận động để quán triệt sâu sắc hơn Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (Nghị quyết số 21-NQ/TW).

- Truyền thông, vận động đa dạng và phù hợp với từng nhóm đối tượng về nội dung của dân số và phát triển trong mục tiêu của Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới bao gồm: duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

- Đẩy mạnh các đợt truyền thông cao điểm về những vấn đề dân số ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của đất nước và của tỉnh: chênh lệch mức sinh đáng kể giữa các vùng, đối tượng; xu hướng mức sinh thấp và nguy cơ không đạt được mục tiêu duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố; tốc độ già hóa dân số nhanh và sớm trở thành quốc gia dân số già là thách thức lớn cho phát triển kinh tế và an sinh xã hội; tỷ số giới tính khi sinh vẫn luôn ở mức cao; chất lượng dân số, nhất là tại vùng khó khăn còn hạn chế và một số nội dung quan trọng khác sẽ tác động trực tiếp đến đời sống, xã hội và sự phát triển bền vững của tỉnh, của đất nước cả trong hiện tại và tương lai.

- Cung cấp thông tin, tuyên truyền về kết quả đạt được, khó khăn, hạn chế của việc triển khai các chương trình, đề án, dự án, mô hình, kế hoạch về công

tác dân số trong tình hình mới để tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực của ban, ngành, đoàn thể, cá nhân, tổ chức và sự ủng hộ, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân. Cụ thể như sau:

- + Phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tạo đồng thuận và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong giải quyết các vấn đề quan trọng, liên ngành về dân số và phát triển.

- + Phối hợp với báo, đài phát thanh, truyền hình, truyền thanh từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên đưa tin về thông tin dân số và phát triển; xây dựng và phát sóng các chương trình chuyên về dân số và phát triển; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, giao lưu, tọa đàm trên Đài Phát thanh - Truyền hình, báo, bản tin chuyên đề về công tác dân số.

- + Tổ chức các cuộc mít tinh, cổ động, diễu hành, nói chuyện chuyên đề nhân các sự kiện, ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của ngành dân số với sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các nhà khoa học, nhà quản lý.... Ngày Thalassemia thế giới 8/5; Ngày Dân số Thế giới 11/7; Ngày Quốc tế trẻ em gái 11/10; Ngày Quốc tế Người cao tuổi 1/10; Tháng hành động quốc gia về Dân số tháng 12 và Ngày Dân số Việt Nam 26/12 tại các cấp từ 3-6 cuộc/năm (nội dung, chủ đề của các sự kiện theo hướng dẫn của Trung ương).

- + Truyền thông đa dạng trên các phương tiện truyền thông đại chúng, các loại hình truyền thông số, tăng cường kết nối truyền thông trên mạng xã hội (Fanpage, Zalo, Youtube, TikTok...).

- + Duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông. Xây dựng, duy trì và phát triển các mô hình truyền thông đã và đang hoạt động có hiệu quả tại địa phương cho từng nhóm đối tượng lồng ghép với hoạt động văn hóa của địa phương, chú trọng xây dựng các mô hình truyền thông tại các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ chức các hội thảo, tập huấn về truyền thông vận động, truyền thông thay đổi hành vi cho cán bộ làm công tác truyền thông, các tổ chức chính trị - xã hội... các cấp; tổ chức học tập trao đổi kinh nghiệm truyền thông về dân số và phát triển.

- Sản xuất, nhân bản tài liệu, tờ rơi, sản phẩm truyền thông.

- Thực hiện báo cáo đánh giá 5 năm các kế hoạch truyền thông thuộc Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030.

7. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp; Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành về dân số và phát triển

Tiếp tục tham mưu thành lập, củng cố hoạt động của Ban chỉ đạo công tác dân số và phát triển các cấp. Thực hiện có hiệu quả cơ chế phối hợp liên ngành, phát huy vai trò của Ban chỉ đạo thực hiện công tác dân số.

- Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về dân số và phát triển cho đội ngũ cán bộ, viên chức và cộng tác viên làm công tác dân số cấp huyện, xã.

- Tổ chức triển khai các hội nghị cung cấp thông tin về nội dung dân số và phát triển cho cấp ủy, chính quyền; các ban, ngành, hội, đoàn thể... huyện, xã.

- Cử cán bộ tham gia hội thảo, hội nghị, đào tạo, tập huấn về dân số và phát triển do cấp trên tổ chức.

8. Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số

Tiếp tục triển khai các hoạt động thực hiện Chương trình củng cố và phát triển Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số theo Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác thu thập, cập nhật thông tin vào sổ A0, từ phiếu thu tin vào kho dữ liệu điện tử chuyên ngành dân số các cấp. Thực hiện triển khai việc chuyển dữ liệu, báo cáo thống kê chuyên ngành dân số theo Thông tư số 01/2022/TT-BYT ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật cho cán bộ tham gia hệ thống thông tin chuyên ngành dân số (thu thập và cập nhật thông tin).

- Bổ sung, nâng cấp, thuê cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành kho dữ liệu chuyên ngành dân số.

- Đảm bảo vận hành cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin an ninh, an toàn, bảo mật đáp ứng yêu cầu Chuyển đổi số trong lĩnh vực dân số gồm các hệ thống thông tin: (1) Hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành dân số; (2) Hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai, (3) Hệ thống thông tin Báo cáo nhanh...;

9. Chính sách khuyến khích

Tiếp tục tham mưu cấp thẩm quyền ban hành chính sách khen thưởng, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ Y tế.

10. Công tác giám sát

- Tăng cường công tác giám sát việc tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về dân số tại địa phương.

- Giám sát, hỗ trợ kỹ năng thu thập thông tin và xử lý số liệu. Thẩm định thông tin số liệu, đối chiếu số liệu tổng hợp của cấp xã, huyện.

11. Lồng ghép triển khai các hoạt động của dự án 7 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: theo hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan.

B. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác dân số theo các biểu mẫu, phụ lục kèm theo gửi về Sở Y tế gồm:

1. Báo cáo định kỳ về công tác dân số và phát triển gồm:

- Báo cáo tháng trước ngày 12 hàng tháng, báo cáo quý I trước ngày 12/3, báo cáo 6 tháng đầu năm trước ngày 12/6, báo cáo 9 tháng đầu năm trước ngày 12/9 (*kèm theo biểu 01, 02A, 02B*);
- Báo cáo năm trước ngày 12/12 (*kèm theo biểu 01, 02A, 02B và 03*).

2. Báo cáo Đề án Kiểm soát Mất cân bằng giới tính khi sinh

Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ 06 tháng đầu năm trước ngày 12/6 và báo cáo năm trước ngày 12/12 (*Theo Đề cương và Biểu mẫu đính kèm*).

3. Ngoài chế độ báo cáo định kỳ, các báo cáo đột xuất khi có chỉ đạo, hướng dẫn của cấp thẩm quyền.

C. KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kinh phí được Sở Y tế giao năm 2025 theo Quyết định số 2436/QĐ-SYT ngày 24/12/2024 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025 Ngành Y tế; đề nghị Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cấp ủy, chính quyền ban hành văn bản chỉ đạo, đầu tư thêm nguồn lực để triển khai thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu giao, đồng thời hỗ trợ kinh phí về cho Trạm Y tế để tổ chức các hoạt động tại cơ sở.

Trên cơ sở hướng dẫn này và thực tiễn công tác dân số tại địa phương, Sở Y tế đề nghị Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và tham mưu ban hành kế hoạch triển khai thực hiện công tác dân số năm 2025 đạt hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Dân số (báo cáo);
- GD và các PGD Sở Y tế;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng chức năng Sở Y tế;
- Trung tâm kiểm soát bệnh tật;
- Lưu: VT, PDS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Văn Tiến

